

MỨC ĐỘ SẴN SÀNG HỌC TẬP TỰ ĐỊNH HƯỚNG CỦA SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG BLENDED LEARNING: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Trần Thị Thanh Hà⁺,
Phùng Trần Gia Bảo

Đại học Bách khoa Hà Nội
⁺Tác giả liên hệ • Email: ha.tranthithanh@hust.edu.vn

Article history

Received: 05/5/2025

Accepted: 27/5/2025

Published: 05/8/2025

Keywords

Self-Directed Learning Readiness, SDLR, blended learning, higher education, self-regulated learning

ABSTRACT

In the context of digital transformation and higher education reform in Vietnam, Blended Learning has become increasingly popular, especially after the COVID-19 pandemic. Hanoi University of Science and Technology has implemented numerous Blended Learning courses since 2017 through its Learning Management System (LMS). This article evaluates students' Self-Directed Learning Readiness (SDLR) in a Blended Learning environment, using a quantitative approach with a sample of 360 students from 9 faculties/institutes. The findings indicate that the average SDLR score is 149.56 out of 200 - approaching the high-readiness threshold according to the scale by Fisher et al. (2001). Among the SDLR components, "Desire for Learning" scored the highest (3.92/5), while "Self-Management" the lowest (3.34/5). The students with high GPAs (3.5–4.0) had SDLR scores 18% higher than those with lower GPAs (<2.0). The study recommends integrated solutions to enhance students' self-management abilities, including improved course design, supplementary LMS support tools, and skill development programs, in order to boost learning motivation and improve SDLR among students.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục đại học tại Việt Nam, mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) đang ngày càng triển khai rộng, đặc biệt sau đại dịch COVID-19. Sự kết hợp giữa học tập trực tuyến và trực tiếp không chỉ đáp ứng yêu cầu linh hoạt trong giảng dạy mà còn góp phần hình thành các kỹ năng học tập mới, phù hợp với định hướng học tập suốt đời. Một trong những yếu tố then chốt quyết định thành công trong môi trường Blended Learning là khả năng học tập tự định hướng (Self-Directed Learning - SDL). Knowles (1975) định nghĩa SDL là quá trình mà cá nhân chủ động trong việc chẩn đoán nhu cầu học tập, xây dựng mục tiêu, xác định nguồn lực và đánh giá kết quả học tập. Mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng (Self-Directed Learning Readiness - SDLR) đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa quá trình học tập trong môi trường kết hợp này.

Với mục tiêu trở thành "đại học số", tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số trong giáo dục đại học, Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐH BKHN) đã triển khai nhiều môn học theo hình thức Blended Learning trên nền tảng Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) từ năm 2017 (Bùi Ngọc Sơn và cộng sự, 2022). ĐHBKHN đã phát triển cơ sở hạ tầng mạnh mẽ cho Blended Learning, bao gồm: hệ thống LMS/LCMS để hỗ trợ tương tác trực tuyến, hệ thống kiểm tra, đánh giá trực tuyến tích hợp công cụ chống gian lận Safe Exam, mạng Wifi tốc độ cao phủ sóng toàn trường và tài khoản Office 365 cho tất cả sinh viên và cán bộ. Khảo sát năm 2021 cho thấy Công đào tạo điện tử cung cấp khóa học Blended Learning có tỉ lệ sử dụng cao (trên 90%), trong khi hệ thống kiểm tra đánh giá và thư viện điện tử có tỉ lệ thấp hơn (60-70%) (Bùi Ngọc Sơn và cộng sự, 2022).

Blended Learning mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên bao gồm việc tăng cường tính linh hoạt trong học tập, cho phép họ tiếp cận tài liệu bất cứ lúc nào và học theo tốc độ riêng (Bouilheres et al., 2020). Mô hình này cũng thúc đẩy sự phát triển kỹ năng tự học và thái độ học tập tích cực, những yếu tố cốt lõi cho học tập suốt đời (Tong et al., 2022; Koniah et al., 2024). Tuy nhiên, Blended Learning đòi hỏi mức độ tự kỷ luật cao, khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc tự điều chỉnh (Rasheed et al., 2020) và duy trì sự tham gia (Muhria et al., 2023).

Để đánh giá mức độ chuẩn bị cho việc học tập tự định hướng, các nhà nghiên cứu thường sử dụng thang đo Self-Directed Learning Readiness Scale (SDLRS) của Fisher và cộng sự (2001), thang đo SDLRS gồm ba thành phần (tự quản lý, mong muốn học tập và tự kiểm soát) được áp dụng rộng rãi, với ngưỡng điểm 150/200 thể hiện mức độ sẵn

sàng cao. Các nghiên cứu toàn cầu khẳng định SDLR có mối tương quan tích cực với kết quả học tập và đặc biệt quan trọng trong môi trường Blended Learning (Hsu & Shiue, 2005; Rui et al., 2024). Tại Việt Nam, nghiên cứu về SDLR trong môi trường Blended Learning còn hạn chế (Dang et al., 2021; Thuy & Thuy, 2022; Thuy et al., 2024). Các công trình hiện có chủ yếu tập trung vào phân tích khái niệm và đề xuất ứng dụng lý thuyết, trong khi việc đánh giá thực tiễn mức độ SDLR trong môi trường Blended Learning còn là khoảng trống cần khám phá.

Từ phân tích trên, bài báo này đánh giá mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của sinh viên ĐHBKHN từ đó gợi ý một số giải pháp cải thiện chất lượng dạy và học trong môi trường Blended Learning, đặc biệt là các giải pháp quản lý học tập trên nền tảng LMS.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp nghiên cứu và công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng thông qua bảng hỏi tự báo cáo gồm hai phần chính: thông tin cá nhân và thang đo mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng. Nghiên cứu áp dụng thang đo SDLRS của Fisher và cộng sự (2001) đã được Việt hóa, với 40 mục hỏi được đánh giá trên thang Likert 5 điểm (từ 1- “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5- “Hoàn toàn đồng ý”).

Thang đo SDLRS của Fisher được lựa chọn vì độ tin cậy cao và cấu trúc rõ ràng, gồm ba thành phần: (1) Tự quản lý (13 mục): Đánh giá khả năng xác định nhu cầu học tập, đặt mục tiêu, lựa chọn nguồn lực, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả; (2) Mong muốn học tập (12 mục): Đánh giá thái độ và động lực học tập, bao gồm sự tò mò, ham học hỏi và trách nhiệm với việc học; (3) Tự kiểm soát (15 mục): Đánh giá khả năng tự nhận thức, kiểm soát cảm xúc và quản lý quá trình học tập. Tổng điểm của thang đo nằm trong khoảng 40-200 điểm, với ngưỡng 150 điểm được Fisher và cộng sự (2001) xác định là mức độ sẵn sàng cao cho học tập tự định hướng. Phương pháp này giúp nghiên cứu đánh giá toàn diện mức độ SDLR của sinh viên ĐHBKHN trong môi trường Blended Learning.

Thang đo SDLRS đã được Việt hóa và tham khảo ý kiến chuyên gia về tâm lý giáo dục để đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

2.1.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu bao gồm 360 sinh viên ĐHBKHN đang tham gia các môn học có áp dụng phương thức Blended Learning trên nền tảng LMS của trường. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được áp dụng, với tiêu chí lựa chọn là sinh viên đã từng tham gia ít nhất một môn học theo hình thức Blended Learning.

Bảng 1. Thống kê số lượng mẫu khảo sát

Giới tính	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nam	302	83.9
Nữ	58	16.1
Tổng	360	100
Đơn vị đào tạo	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Trường Công nghệ thông tin và truyền thông	85	23.6
Trường Cơ khí	77	21.4
Trường Điện - Điện tử	70	19.4
Trường Hóa và Khoa học sự sống	44	12.2
Trường Kinh tế	25	6.9
Trường Vật liệu	23	6.4
Khoa Toán Tin	18	5.0
Khoa Vật lý kỹ thuật	11	3.1
Khoa Khoa học và Công nghệ giáo dục	7	1.9
Tổng	360	100

Về kinh nghiệm học tập trực tuyến, đa số sinh viên đã có kinh nghiệm học tập theo hình thức Blended Learning, với 41,4% có kinh nghiệm 1-2 năm và 30,8% có kinh nghiệm trên 2 năm. Đáng chú ý, chỉ có 8,1% sinh viên không có kinh nghiệm học tập trực tuyến, điều này phản ánh sự phổ biến của hình thức học tập kết hợp tại ĐHBKHN.

Trong quá trình thu thập, các bảng hỏi có dấu hiệu trả lời theo mẫu (chọn cùng một mức độ cho tất cả câu hỏi) hoặc có xu hướng chọn mức độ cực đại đã được rà soát và loại bỏ khỏi mẫu phân tích để đảm bảo chất lượng dữ liệu.

2.1.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được phân tích bằng phần mềm SPSS với các phương pháp: thống kê mô tả (tần suất, trung bình, độ lệch chuẩn) để mô tả đặc điểm mẫu nghiên cứu và mức độ SDLR, và phân tích độ tin cậy (Cronbach's Alpha) để

kiểm tra độ tin cậy của thang đo và phân tích ANOVA một chiều để so sánh mức độ SDLR giữa các nhóm sinh viên theo điểm GPA và kinh nghiệm học tập trực tuyến.

Để đảm bảo độ tin cậy của công cụ nghiên cứu, chúng tôi tiến hành kiểm tra độ tin cậy của thang đo SDLRS bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy thang đo SDLRS tổng thể có độ tin cậy cao với Cronbach's Alpha = 0.92. Các thành phần con cũng có độ tin cậy tốt: Tự quản lí ($\alpha = 0.88$), Mong muốn học tập ($\alpha = 0.83$), và Tự kiểm soát ($\alpha = 0.85$). Tất cả các mục đều có hệ số tương quan mục-tổng trên 0.3, chứng tỏ đây là một công cụ đo lường đáng tin cậy trong bối cảnh nghiên cứu tại ĐHBKHN.

Bảng 2. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo SDLRS

Thang đo	Số lực mục	Cronbach's Alpha
SDLRS tổng thể	40	0.92
Tự quản lí	13	0.88
Mong muốn học tập	12	0.83
Tự kiểm soát	15	0.85

2.2. Kết quả và bình luận

2.2.1. Mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng tổng thể

Kết quả phân tích dữ liệu từ 360 sinh viên ĐHBKHN cho thấy điểm mức độ SDLR trung bình tổng thể là 149.56 (SD = 19.28) trên thang điểm tối đa 200. Mức điểm này tiệm cận với ngưỡng 150 điểm được Fisher và cộng sự (2001) xác định là mức độ sẵn sàng cao cho học tập tự định hướng. Khi phân tích điểm số theo từng thành phần, kết quả cho thấy sinh viên có điểm cao nhất ở thành phần "Mong muốn học tập" (M = 3.92/5; SD = 0.64), tiếp theo là "Tự kiểm soát" (M = 3.76/5; SD = 0.59) và thấp nhất là "Tự quản lí" (M = 3.34/5; SD = 0.72). Điều này chỉ ra rằng mặc dù sinh viên có động lực và mong muốn học tập cao, nhưng họ còn hạn chế về khả năng quản lí học tập của bản thân.

Bảng 3. Điểm trung bình các thành phần SDLR

Thành phần	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Min	Max
Tự quản lí	3.34	0.72	1.42	5.00
Mong muốn học tập	3.92	0.64	1.75	5.00
Tự kiểm soát	3.76	0.59	1.93	5.00
SDLR tổng thể	3.74	0.48	2.13	4.85

Phân tích chi tiết điểm trung bình cho từng mục của thang đo cho thấy các điểm mạnh và điểm yếu cụ thể trong khả năng học tập tự định hướng của sinh viên. Kết quả khảo sát trên 360 sinh viên ĐHBKHN cho thấy sinh viên có điểm số cao nhất ở các mục liên quan đến "mong muốn học tập" và "khám phá kiến thức mới", phản ánh động lực học tập tích cực và sự tò mò trí tuệ. Ngược lại, các mục có điểm thấp nhất đều tập trung vào khía cạnh "tự quản lí", đặc biệt là khả năng quản lí thời gian, tổ chức học tập có hệ thống và áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả.

Bảng 4. Các mục có điểm trung bình cao nhất trong thang đo SDLRS

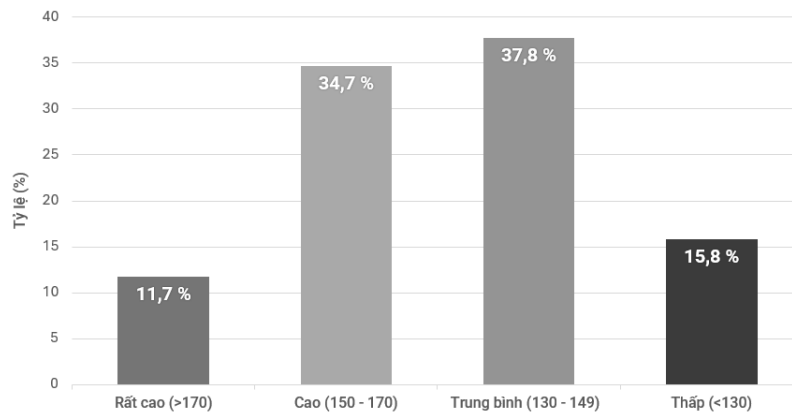
STT	Nội dung	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thành phần
1	Tôi muốn học những kiến thức mới	4.08	0.72	Mong muốn học tập
2	Tôi thích thú khi học những thông tin mới	4.02	0.73	Mong muốn học tập
3	Tôi chịu trách nhiệm cho quyết định và hành động của mình	4.01	0.69	Tự kiểm soát
4	Tôi học hỏi từ những sai lầm của mình	3.99	0.68	Mong muốn học tập
5	Tôi thích thu thập thông tin trước khi đưa ra quyết định	3.91	0.72	Mong muốn học tập

Bảng 5. Các mục có điểm trung bình thấp nhất trong thang đo SDLRS

STT	Nội dung	Điểm trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thành phần
1	Tôi quản lí thời gian học tập hiệu quả	3.27	0.87	Tự quản lí
2	Tôi học tập theo một quy trình có tổ chức và tuần tự	3.28	0.89	Tự quản lí
3	Tôi áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả và nhất quán	3.30	0.83	Tự quản lí
4	Tôi luôn đặt ra khung thời gian cụ thể cho việc học	3.30	0.91	Tự quản lí
5	Tôi có khả năng quản lí tốt công việc học tập của mình	3.31	0.85	Tự quản lí

2.2.2. Phân phối mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng

Phân tích phân phối điểm SDLR cho thấy có 167 sinh viên (46.4%) có điểm SDLR từ 150 trở lên, tương ứng với mức độ sẵn sàng cao cho học tập tự định hướng. Ngược lại, 193 sinh viên (53.6%) có điểm SDLR dưới 150, chỉ ra rằng hơn một nửa sinh viên còn cần sự hỗ trợ để phát triển khả năng học tập tự định hướng. Khi phân tích theo nhóm điểm, kết quả cho thấy 11.7% sinh viên có mức độ sẵn sàng rất cao (điểm trên 170), 34.7% có mức độ sẵn sàng cao (điểm từ 150 đến 170), 37.8% có mức độ sẵn sàng trung bình (điểm từ 130 đến 149), và 15.8% có mức độ sẵn sàng thấp (điểm dưới 130).



Hình 1. Phân phối mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng (khảo sát trên 360 sinh viên ĐHBKHN)

Phân tích mối quan hệ giữa điểm SDLR và điểm GPA cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm GPA ($F = 8.76, p < 0.001$). Cụ thể, sinh viên có GPA cao hơn thường có điểm SDLR cao hơn. Sinh viên có GPA từ 3.5 - 4.0 có điểm SDLR trung bình cao nhất ($M = 161.72, SD = 17.43$), trong khi sinh viên có GPA dưới 2.0 có điểm SDLR trung bình thấp nhất ($M = 136.95, SD = 22.65$).

Bảng 6. Điểm SDLR trung bình theo nhóm GPA

Nhóm GPA	N	Điểm SDLR trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Dưới 2.0	37	136.95	22.65
2.0 - 2.49	88	143.23	18.56
2.5 - 2.99	107	147.84	18.14
3.0 - 3.49	93	154.32	16.77
3.5 - 4.0	35	161.72	17.43
Tổng	360	149.56	19.28

2.2.3. Thảo luận về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ĐHBKHN có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng (SDLR) ở mức trung bình-khá, xấp xỉ với ngưỡng mức độ sẵn sàng cao theo tiêu chuẩn của Fisher và cộng sự (2001). Điểm số này thấp hơn một chút so với nghiên cứu của Thụy và cộng sự (2024) trên 1,222 sinh viên đại học Việt Nam tại sáu cơ sở giáo dục đại học khác nhau, với điểm SDLR trung bình là 157.15. Sự khác biệt này có thể phản ánh đặc thù của môi trường học tập và phương pháp giảng dạy tại ĐHBKHN, nơi có định hướng kỹ thuật mạnh mẽ và thường áp dụng nhiều bài tập thực hành, đồ án. Theo Geng và cộng sự (2019), các khóa học Blended Learning được thiết kế cho sinh viên kỹ thuật có những đặc thù riêng, với sinh viên kỹ thuật được kỳ vọng thích nghi nhiều hơn với tình huống thực tế theo khả năng của họ. Evenhouse và cộng sự (2023) cũng chỉ ra rằng sinh viên kỹ thuật đối mặt với nhiều thách thức đặc biệt khi tham gia môi trường Blended Learning, với mức độ thành công phụ thuộc vào khả năng tự định hướng hành vi học tập của sinh viên. Khi phân tích mối liên hệ giữa từng thành phần SDLR với kết quả học tập, nghiên cứu chỉ ra rằng: (1) Thành phần “Tự quản lý” có tương quan mạnh nhất với GPA ($r=0.51, p<0.001$), phản ánh tầm quan trọng của kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian đối với thành tích học tập. Điểm trung bình thấp ở thành phần này (3.34/5) cho thấy sự cần thiết phải tăng cường đào tạo kỹ năng tự quản lý cho sinh viên ĐHBKHN, đặc biệt trong môi trường Blended Learning đòi hỏi sự chủ động cao; (2) Thành phần “Mong muốn học tập” có tương quan trung bình với GPA ($r=0.38, p<0.001$). Sinh viên ĐHBKHN có điểm cao ở thành phần này, tương tự với kết quả nghiên cứu của Thụy và cộng sự (2024) về thái độ tích cực đối với học tập của sinh viên Việt Nam, nhưng điều này chưa đủ để đảm bảo thành tích cao nếu thiếu kỹ năng tự quản lý; (3) Thành phần “Tự kiểm soát” có tương

quan khá với GPA ($r=0.42, p<0.001$), khẳng định vai trò của khả năng tự đánh giá và điều chỉnh trong học tập. Điểm trung bình khá (3.76/5) ở thành phần này là cơ sở tốt để nâng cao hiệu quả học tập trong môi trường Blended Learning.

Mối tương quan thuận giữa SDLR tổng thể và GPA ($r=0.47, p<0.001$) cũng được hỗ trợ bởi nghiên cứu của Thụy và cộng sự (2024), khi các tác giả chỉ ra rằng SDLR có thể được sử dụng để dự đoán kết quả học tập của sinh viên. Đặc biệt, sinh viên ĐHBKHN có GPA từ 3.5-4.0 có điểm SDLR cao hơn 18% so với nhóm GPA dưới 2.0, nhấn mạnh vai trò thiết yếu của SDLR trong thành công học tập.

Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Premkumar và cộng sự (2018) khi nghiên cứu sinh viên y khoa cũng tìm thấy mối tương quan thuận giữa SDLR và kết quả học tập với mức độ từ trung bình đến cao. Nghiên cứu của Thụy và cộng sự (2024) trên 1,222 sinh viên đại học Việt Nam cũng xác nhận mối tương quan này, với kết quả chỉ ra rằng SDLR là một yếu tố quan trọng để nâng cao kết quả học tập của sinh viên và có thể được sử dụng để dự đoán thành công trong học tập. Tuy nhiên, kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Huynh và cộng sự (2009) về sinh viên dược, khi các tác giả không tìm thấy mối tương quan đáng kể giữa kết quả học tập và thang đo SDLRS, gợi ý rằng mối quan hệ này có thể khác nhau tùy thuộc vào đặc thù ngành đào tạo và phương pháp giảng dạy.

Khía cạnh đáng quan ngại là chỉ 46.4% sinh viên ĐHBKHN đạt mức độ sẵn sàng cao cho học tập tự định hướng, so với 43.8% sinh viên trong nghiên cứu của Thụy và cộng sự (2024). Tỷ lệ tương đồng này cho thấy đây có thể là một đặc điểm chung của sinh viên Việt Nam, phản ánh nền tảng giáo dục phổ thông chưa chú trọng đầy đủ đến phát triển năng lực tự học. Tỷ lệ tương đồng này cho thấy đây có thể là một đặc điểm chung của sinh viên Việt Nam, phản ánh một trong số những nguyên nhân chính trong đó có lý do như hệ thống giáo dục phổ thông tại Việt Nam còn chú trọng vào việc truyền đạt kiến thức hơn là phát triển kỹ năng tự học, chưa tạo đủ điều kiện cho người học phát triển tính tự chủ và tự quản lý trong học tập, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng học tập tự định hướng của sinh viên khi bước vào môi trường đại học (Dang et al., 2021).

3. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của sinh viên ĐHBKHN, cho thấy sinh viên có mức SDLR tiệm cận ngưỡng cao của thang đo Fisher. Phát hiện nổi bật nhất là sự mất cân bằng giữa các thành phần SDLR: sinh viên có động lực học tập cao nhưng thiếu kỹ năng tự quản lý. Mối tương quan mạnh giữa SDLR và kết quả học tập khẳng định tầm quan trọng của năng lực này trong môi trường Blended Learning. Dựa trên kết quả nghiên cứu, ba nhóm giải pháp chính được đề xuất: (1) cải thiện thiết kế khóa học Blended Learning theo mô hình Grow phù hợp với mức độ sẵn sàng của người học; (2) phát triển công cụ hỗ trợ tự quản lý học tập trên LMS với tính năng lập kế hoạch và theo dõi tiến độ; (3) xây dựng chương trình phát triển kỹ năng tự quản lý tích hợp vào học phần bắt buộc cho sinh viên năm nhất.

Thứ nhất, về thiết kế khóa học Blended Learning: Áp dụng mô hình Grow (1991) để điều chỉnh mức độ hỗ trợ phù hợp với mức độ sẵn sàng của người học - cung cấp hướng dẫn chi tiết cho sinh viên năm nhất và có SDLR thấp, sau đó giảm dần khi sinh viên phát triển kỹ năng tự học. Tích hợp các hoạt động phát triển kỹ năng tự quản lý như lập kế hoạch học tập, quản lý thời gian, tự đánh giá và đa dạng hóa phương pháp đánh giá với rubric rõ ràng. *Thứ hai*, về công cụ hỗ trợ trên LMS: Phát triển tính năng lập kế hoạch và theo dõi tiến độ học tập với nhắc nhở tự động, tích hợp công cụ phân tích học tập (learning analytics) để cung cấp phản hồi cá nhân hóa và xây dựng không gian học tập cá nhân hóa kết hợp nền tảng hợp tác, khai thác thế mạnh “Mong muốn học tập” của sinh viên. *Thứ ba*, về chương trình phát triển kỹ năng: Tích hợp nội dung kỹ năng học tập tự định hướng (quản lý thời gian, lập kế hoạch, phương pháp ghi chú, chiến lược ôn thi) vào học phần Kỹ năng mềm cho sinh viên năm nhất. Xây dựng hệ thống cố vấn học tập kết nối sinh viên năm thứ nhất với sinh viên năm cao hơn, đồng thời tập huấn giảng viên về các phương pháp thúc đẩy học tập tự định hướng như học tập dựa trên dự án và lớp học đảo ngược. Các giải pháp cần được triển khai đồng bộ với hệ thống đánh giá định kỳ mức độ SDLR để cung cấp hỗ trợ kịp thời và đánh giá hiệu quả can thiệp.

Hạn chế cần lưu ý: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, điều này có thể hạn chế tính khái quát hóa của kết quả cho toàn bộ sinh viên ĐHBKHN. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo có thể cân nhắc áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo khoa/viện và năm học để tăng tính đại diện của mẫu nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu mang tính mô tả thực trạng và chưa đánh giá hiệu quả thực tiễn của các giải pháp đề xuất trong quá trình triển khai.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Đại học Bách khoa Hà Nội qua đề tài với mã số: T2024-PC-001.

Tài liệu tham khảo

- Bouilheres, F., Le, V., McDonald, S., Nkhoma, C., & Jandug-Montera, L. (2020). Defining student learning experience through blended learning. *Education and Information Technologies*, 25(4), 3049-3069. <https://doi.org/10.1007/s10639-020-10100-y>
- Bùi Ngọc Sơn, Nguyễn Thị Hương Giang, Nguyễn Khang (2022). Đánh giá tác động của chuyển đổi số đến khả năng phát triển mô hình đại học thông minh tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(5), 58-63.
- Dang, T., Tang, T., & Trinh, M. (2021). Review of Self-directed Learning Readiness Assessments Among Undergraduate Students in the World and Lessons Learnt for Vietnam. *VNU Journal of Science: Education Research*, 37(2), 49-60.
- Evenhouse, D., Lee, Y., Berger, E., Rhoads, F., & DeBoer, J. (2023). Engineering student experience and self-direction in implementations of blended learning: a cross-institutional analysis. *International Journal of STEM Education*, 10(1), 19.
- Fisher, M., King, J., & Tague, G. (2001). Development of a self-directed learning readiness scale for nursing education. *Nurse Education Today*, 21(7), 516-525.
- Geng, S., Law, M., & Niu, B. (2019). Investigating self-directed learning and technology readiness in blending learning environment. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16(1), 1-22.
- Grow, O. (1991). Teaching learners to be self-directed. *Adult Education Quarterly*, 41(3), 125-149.
- Hsu, C., & Shiue, M. (2005). The effect of self-directed learning readiness on achievement comparing face-to-face and two-way distance learning instruction. *International Journal of Instructional Media*, 32(2), 143-156.
- Huynh, D., Haines, S. T., Plaza, C. M., Sturpe, D. A., Williams, G., Rodriguez de Bittner, M. A., & Roffman, D. S. (2009). The impact of advanced pharmacy practice experiences on students' readiness for self-directed learning. *American Journal of Pharmaceutical Education*, 73(4), 65. <https://doi.org/10.5688/aj730465>
- Knowles, S. (1975). *Self-directed learning: A guide for learners and teachers*. Association Press.
- Koniah, K., Komariah, A., Mulyati, Y., & Rahmawati, R. (2024). A systematic review of research on blended learning in teaching EFL: Student and teacher's perception, implementation, interaction, benefits, and challenges. *Stairs*, 5(1), 11-26.
- Muhria, L., Usman, M., Baharun, H., Anshori, I., & Mundiri, A. (2023). Students' challenges of blended learning model in higher education. *Journal Corner of Education, Linguistics, and Literature*, 2(1), 66-78.
- Premkumar, K., Vinod, E., Sathishkumar, S., Pulimood, B., Umaefulam, V., Prasanna Samuel, P., & John, T. A. (2018). Self-directed learning readiness of Indian medical students: a mixed method study. *BMC Medical Education*, 18, 1-10.
- Rasheed, A., Kamsin, A., & Abdullah, A. (2020). Challenges in the online component of blended learning: A systematic review. *Computers & Education*, 144, 103701. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2019.103701>
- Rui, L., Mohamad Nasri, A., & Mahmud, D. (2024). The role of self-directed learning in promoting deep learning processes: a systematic literature review. *F1000Research*, 13, 761.
- Thuy, T., & Thuy, T. (2022). Assessment of self-directed learning readiness among undergraduates of teacher education in Vietnam. In *The IAFOR Conference on Educational Research & Innovation 2022 Official Conference Proceedings* (pp. 119-130).
- Thuy, T., Hung, T., & Lien, P. (2024). Self-directed learning readiness among undergraduate students. *Journal of Educational and Social Research*, 14(5), 233-249. <https://doi.org/10.36941/jesr-2024-0135>
- Tong, H., Uyen, P., & Ngan, K. (2022). The effectiveness of blended learning on students' academic achievement, self-study skills and learning attitudes: A quasi-experiment study in teaching the conventions for coordinates in the plane. *Heliyon*, 8(12), e12657.